



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ một (01) dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một (01) dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày / /2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một (01) dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một (01) dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng và phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng; hộ gia đình có phụ nữ làm chủ hộ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số.

2. Một đối tượng có thể tham gia nhiều dự án nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ và không vượt định mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp cùng một đối tượng, cùng một địa bàn hoặc cùng một dự án đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung thì chỉ lựa chọn một chính sách có lợi nhất để thực hiện.

Điều 4. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một (01) dự án phát triển sản xuất

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

a) Hỗ trợ tối đa 70% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, xã an toàn khu, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp đặc biệt khó khăn;

b) Hỗ trợ tối đa 60% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực II;

c) Hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

a) Hỗ trợ tối đa 90% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, xã an toàn khu, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp đặc biệt khó khăn;

b) Hỗ trợ tối đa 75% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực II;

c) Hỗ trợ tối đa 55% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án, trong đó tối thiểu 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án phải được sử dụng để hỗ trợ trực tiếp các hoạt động sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ của người dân.

Điều 5. Định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi đối với các nhóm đối tượng như sau:

1. Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ/dự án đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng; hộ gia đình có phụ nữ làm chủ hộ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số.

2. Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí nhưng không vượt quá 20 triệu đồng/hộ/dự án đối với các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương và kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án phát triển sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ phê duyệt dự án bị bãi bỏ, được tiếp tục thực hiện, thanh toán, quyết toán theo quyết định phê duyệt dự án.

2. Đối với các dự án phát triển sản xuất được cấp thẩm quyền phê duyệt sau thời điểm văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ phê duyệt dự án bị bãi bỏ thì áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Riêng đối với dự án phát triển sản xuất được cấp thẩm quyền phê duyệt trong năm 2026, việc thực hiện, thanh toán, quyết toán và xử lý theo cơ chế, các văn bản hướng dẫn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trước hợp nhất 04 Chương trình cho đến khi hoàn thành theo thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm...

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại

biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Cà Mau;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
-;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều